**1. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**Môn: Công Nghệ Chăn Nuôi \_2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chương III: Công nghệ thức ăn chăn nuôi.** | **Bài 7: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi.** | **Nhận biết:**  - Trình bày được các khái niệm và vai trò: Thức ăn chăn nuôi, nhu cầu dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của vật nuôi.  - Nêu được các thành phần dinh dưỡng, các chỉ số dinh dưỡng và nguyên tắc lập khẩu phần ăn của vật nuôi.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi.  - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của việc xác định thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi và chăn nuôi.  **Vận dụng:**  - Đề xuất vật nuôi phù hợp để chăn nuôi tại địa phương từ nguồn thức ăn sẵn có ở địa phương. | 6 | 4 | 1(\*) | 1(\*\*) |
|  |  | **Bài 8:**  **Sản xuất và chế biến thức ăn** | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số phương pháp sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến và một số ứng dụng công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi.  - Nêu được tên các bước của các phương pháp sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.  - Trình bày được ứng dụng của công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi  - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.  **Vận dụng:**  - Đề xuất được phương pháp chế biến thức ăn cho một loại vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình hoặc địa phương em | 5 | 4 | 1(\*) | 1(\*\*) |
| **Bài 9:Bảo quản thức ản chăn nuôi** | **Nhận biết:**   * Kể tên được một số phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi.   - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được ý nghĩa của bảo quản thức ăn chăn nuôi.  - Trình bày được ứng dụng của công nghệ cao trong bảo quản thức ăn chăn nuôi.  - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi.  **Vận dụng**: Đề xuất phương pháp bảo quản một loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương. | 5 | 4 |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **1** | **1** |

**Lưu ý**:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức:Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi, sản xuất và chế biến thức ăn hoặc bảo quản thức ản chăn nuôi.

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi, sản xuất và chế biến thức ăn hoặc bảo quản thức ản chăn nuôi.

**2. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**Môn: Công Nghệ Trồng Trọt 11 – Thời gian: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |  |
| **1** |  | **Bài 7: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi.** | 6 | 4.5 | 4 | 6 | 1(\*) |  | 1(\*\*) |  | 10 |  |  |  |
| **2** | **Chương III** | **Bài 8:**  **Sản xuất và chế biến thức ăn** | 5 | 3.75 | 4 | 6 | 1(\*) |  | 1(\*\*) |  | 9 |  |  |  |
| **Bài 9:Bảo quản thức ăn chăn nuôi** | 5 | 3.75 | 4 | 6 | 1(\*) |  | 1(\*\*) |  | 9 |  |  |  |
| **Tổng** | |  | **16** | **12** | **12** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | |  | **70** | | | | **30** | | | | **100** | |  | **100** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi, sản xuất và chế biến thức ăn hoặc bảo quản thức ản chăn nuôi.

- Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi, sản xuất và chế biến thức ăn hoặc bảo quản thức ản chăn nuôi.

**3. ĐỀ GỐC VÀ ĐÁP ÁN**

**3.1. Trắc nghiệm (7 điểm)**

**Câu 1.** Thức ăn chăn nuôi gồm

A. thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn bổ sung, thức ăn đậm đặc, thức ăn truyền thống.

B. thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn giàu đạm, thức ăn giàu vitamin, thức ăn truyền thống.

C. thức ăn truyền thống, thức ăn bổ sung, thức ăn đậm đặc, thức ăn giàu năng lượng.

D. thức ăn giàu protein, thức ăn giàu khoáng, thức ăn đậm đặc, thức ăn truyền thống, thức ăn giàu vitamin.

**Câu 2.** Thành phần chất khô trong thức ăn chăn nuôi gồm có

A. nước, protein, chất khoáng. B. chất khoáng, vitamin, lipid.

C. chất vô cơ, protein, lipid. D. chất vô cơ và chất hữu cơ.

**Câu 3.** Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi là gì?

A. Là lượng dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt và các hoạt động sinh lí trong trạng thái không tăng, không giảm khối lượng, không tạo sản phẩm.

B. Là tiêu chuẩn ăn đã được cụ thể hóa bằng các loại thức ăn xác định với khối lượng hoặc tỉ lệ nhất định.

C. Là lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm.

D. Là mức ăn cần cung cấp cho một vật nuôi trong một ngày đêm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho vật nuôi duy trì các hoạt động sống và tạo sản phẩm.

**Câu 4.** Các chỉ số dinh dưỡng cơ bản biểu thị tiêu chuẩn ăn của vật nuôi?

A. Carbohydrate, lipip, protein, chất khoáng.

B. Carbohydrate, hàm lượng chất xơ, vitamin.

C. Năng lượng, protein, vitamin, chất khoáng.

D. Carbohydrate, các amino acid thiết yếu, năng lượng.

**Câu 5.** Khi lập khẩu phần ăn cho vật nuôi cần thực hiện theo nguyên tắc nào?

A. Tính khoa học, tính hợp lí. B. Tính khoa học, tính kinh tế.

C. Tính hợp lí, tính thực tế. D. Tính đặc trưng, tính khoa học.

**Câu 6.** Thành phần dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi gồm

A. nước và chất khô. B. nước và chất hữu cơ.

C. nước và chất vô cơ. D. chất vô cơ và chất hữu cơ.

**Câu 7.**Ý nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của thức ăn chăn nuôi**?**

A. Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động.

B. Cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết để sinh trưởng phát triển.

C. Tạo sản phẩm chăn nuôi.

D. Là căn cứ quan trọng để xác định tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn cho vật nuôi.

**Câu 8.** Các loại thức ăn giàu năng lượng?

A. Thóc,ngô, khoai, sắn.    B. Bột vỏ tôm, vỏ cua, vỏ ốc, vỏ trứng.

C. Các loại rau, cỏ, lá cây.        D. Bột thịt, bột cá ,đậu tương, khô dầu.

**Câu 9.** Các thông số nào sau đây thể hiện khẩu phần ăn của vật nuôi?

A. 7000 kcal, 352 g protein B. 16g Calcium, 11g phosphorus.

###### C. Tấm 1.5kg, bột sắn 0.3 kg. D. Fe 13g, Na 43g.

**Câu 10.** Vai trò của nhóm thức ăn giàu khoáng đối với vật nuôi?

A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống, tham gia tạo nên các sản phẩm chăn nuôi.

B. Là nguyên liệu để tổng hợp các hoạt chất sinh học, các loại protein đặc trưng của cơ thể.

C. Tham gia vào cấu trúc xương, cấu trúc một số protein chức năng(enzyme, hormone).

D. Điều hòa quá trình trao đổi chất, tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**Câu 11.** Các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi?

A. Sản xuất thức ăn truyền thống và sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

B. Phương pháp sản xuất vật lí, hóa học, sinh học.

C. Phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi nhờ công nghệ vi sinh.

D. Phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi bằng dây chuyền tự động.

**Câu 12.** Cho các ý sau: (1). Lựa chọn nguyên liệu; (2). Phối trộn nguyên liệu; (3). Đóng gói bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; (4). Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu; (5). Hạ nhiệt, làm khô; (6). Làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên. Hãy sắp xếp trình tự các bước sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên?

A. (1)🡪(2)🡪(6)🡪(4)🡪(5)🡪(3). B. (1)🡪(4)🡪(6)🡪(2)🡪(5)🡪(3).

C. (1)🡪(2)🡪(4)🡪(6)🡪(5)🡪(3). D. (1)🡪(4)🡪(2)🡪(6)🡪(5)🡪(3).

**Câu 13.** Cho các ý sau: (1). Lựa chọn nguyên liệu; (2). Nghiền nhỏ; (3). Ủ; (4). Trộn với chế phẩm vi sinh vật ; (5). Thu và đánh giá chất lượng sản phẩm. Hãy sắp xếp trình tự các bước chế biến thức ăn chăn nuôi bằng công nghệ sinh học?

A. (1)🡪(2)🡪(4)🡪(3)🡪(5). B. (1)🡪(2)🡪(3)🡪(4)🡪(5).

C. (1)🡪(4)🡪(2)🡪(3)🡪(5). D. (1)🡪(4)🡪(3)🡪(2)🡪(5).

**Câu 14.** Phương pháp chế biến thức ăn nào sau đây thuộc ứng dụng công nghệ cao?

A. Phương pháp vật lí. B. Sử dụng công nghệ vi sinh.

C. Phương pháp cắt nhỏ. D. Phương phấu nấu chín.

**Câu 15.** Mục đích của phương pháp đường hóa trong chế biến thức ăn chăn nuôi?

A. Giúp khử độc và nâng cao tỉ lệ tiêu hóa protein.

B. Nâng cao giá trị dinh dưỡng và làm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.

C. Giúp cho dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn.

D. Làm biến đổi tinh bột, đường đa thành đường đơn, giúp cho quá trình tiêu hóa dễ hơn.

**Câu 16.** Nguồn nguyên liệu chính sử dụng đểủ chua thức ăn chăn nuôi?

A. Rơm rạ, cỏ khô. B. Bã đậu, khô dầu( lạc, vừng..), bột sò, bột thit.

C. Cám gạo, bột ngô, bột sắn. D.Thân cây ngô, các loại cỏ, rau còn tươi xanh .

**Câu 17.** Ý nghĩa của việc chế biến thức ăn chăn nuôi bằng dây chuyền tự động?

A. Thức ăn được tạo ra có chất lượng tốt, đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí sản xuất an toàn.

B. Biến thức ăn nghèo protein thành thức ăn giàu protein🡪 tăng hàm lượng ptotein trong thức ăn

C. Giúp vật nuôi tiêu hóa dễ dàng các loại thức ăn thô, thức ăn hàm lượng nitrogen thấp, chứa nhiều chất xơ.

D. Làm biến đổi tinh bột, đường đa thành đường đơn, giúp cho quá trình tiêu hóa dễ hơn.

**Câu 18.** Nấu chín thức ăn nhằm mục đích?

A. Giúp khử độc và nâng cao tỉ lệ tiêu hóa protein.

B. Nâng cao giá trị dinh dưỡng và làm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.

C. Giúp cho dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn.

D. Làm biến đổi tinh bột, đường đa thành đường đơn, giúp cho quá trình tiêu hóa dễ hơn.

**Câu 19.** Cho các ý sau: (1). Nghiền nguyên liệu; (2). Phối trộn nguyên liệu; (3). Ép viên; (4). Sấy khô; (5). Đóng bao. Hãy sắp xếp trình tự các bước chế biến thức ăn chăn nuôi dạng viên bằng dây chuyền tự động?

A. (1)🡪(2)🡪(4)🡪(3)🡪(5). B. (2)🡪(1)🡪(4)🡪(3)🡪(5).

C. (1)🡪(2)🡪(3)🡪(4)🡪(5). D. (2)🡪(1)🡪(3)🡪(4)🡪(5).

**Câu 20.** Quá trình xử lí nhằm ngăn chặn hoặc làm chậm quá trình giảm chất lượng hoặc hư hỏng thức ăn trong khoản thời gian nhất định được gọi là

A. bảo quản thức ăn chăn nuôi. B. chế biến thức ăn chăn nuôi.

C. sản xuất thức ăn chăn nuôi. D. ứng dụng công nghệ cao.

**Câu 21.** Có thể bảo quản thức ăn trong chăn nuôi bằng những phương pháp nào sau đây?

A. Bảo quản trong kho, kho silo hoặc sử dụng chất bảo quản có nguồn gốc sinh học.

B. Bảo quản bằng phương pháp vật lý, phương pháp hóa học.

C. Bảo quản bằng phương pháp sử dụng vi sinh vật, nấu chín thức ăn.

D. Bảo quản bằng phương pháp ủ chua, cắt ngắn, nghiền nhỏ thức ăn.

**Câu 22.** Phát biểu nào dưới đây đúng khi bảo quản thức ăn chăn nuôi trong kho?

A. Khi bảo quản thức ăn bằng phương pháp đổ rời thì thức ăn phải được xếp lên kệ và không được để lẫn thức ăn cũ với thức ăn mới.

B. Khi bảo quản thức ăn bằng phương pháp đóng bao thì các bao thức ăn phải được xếp lên kệ, không để trực tiếp trên sàn, không kê sát tường.

C.Thức ăn đóng bao phải đổ đủ độ cao từ trong ra ngoài, đặt thông hơi tại các vị trí định sẵn.

D. Dùng để bảo quản thức ăn bằng hạt và thức ăn ủ chua.

**Câu 23.** Ý nào sau đây không đúng khi nói về ưu điểm của bảo quản thức ăn bằng silo?

A. Có thể tự động hóa trong quá trình nhập, xuất kho.

B. Tiết kiệm diện tích, chi phí lao động.

C. Ngăn chặn được sự phá hoại của động vật, vi sinh vật.

D. Dễ thực hiện, ít tốn kém.

**Câu 24.** Bảo quản thức ăn chăn nuôi không nhằm mục đích nào sau đây?

A. Đảm bảo chất lượng thức ăn, giúp thức ăn giữ được giá trị dinh dưỡng.

###### B. Tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.

C. Dự trữ thức ăn trong thời gian cho phép.

D. Ngăn chặn sự phát triển của các loại vi khuẩn, nấm men, nấm mốc gây hại.

**Câu 25.** Khi bảo quản thức ăn chăn nuôi trong kho, đối với thức ăn đổ rời (thóc, ngô,….), sàn kho phải

A. được lót bạt chống ẩm. B. được bằng phẳng và bóng nhẳn.

C. phải được lót gạch men. D. được dán gỗ giả cao cấp.

**Câu 26.** Cho các bước sau: (1).Phơi, sấy rơm; (2). Lựa chọn rơm khô, đánh giá chất lượng;(3). Rửa rơm cho sạch nước vôi;(4). Đánh giá chất lượng, bảo quản và sử dụng;(5). Ngâm rơm khô với nước vôi(1%). Hãy sắp xếp trình tự các bước bảo quản rơm làm thức ăn cho trâu, bò bằng kiềm hóa và làm khô.

A. (1)🡪(2)🡪(3)🡪(4)🡪(5) B. (3)🡪(5)🡪(1)🡪(2)🡪(4)

C. (4)🡪(3)🡪(5)🡪(2)🡪(1) D. (2)🡪(5)🡪(3)🡪(1)🡪(4)

**Câu 27. Mục đích sử dụng chất bảo quản có nguồn gốc sinh học để bảo quản thức ăn chăn nuôi?**

**A. Ức chế hoạt động của một số vi khuẩn, nấm gây hại.**

**B.** Tránh sự xâm hại của côn trùng, chuột.

C. Dễ thực hiện, ít tốn kém.

D. Tiết kiệm được diện tích, chi phí lao động.

**Câu 28.** Cho các bước sau: (1) Đánh giá chất lượng sản phẩm và sử dụng; (2) Phơi héo, cắt ngắn, làm giàu dinh dưỡng; (3) Đưa vào silo(ủ chua và bảo quản); (4) Thu hoạch nguyên liệu thô (cỏ, cây họ Đậu); (5).Thiết lập mô hình lên men, lên men. Hãy sắp xếp trình tự các bước bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng silo.

A. (1)🡪(2)🡪(3)🡪(4)🡪(5) B. (4)🡪(2)🡪(5)🡪(3)🡪(1)

C. (2)🡪(1)🡪(5)🡪(4)🡪(3) D. (5)🡪(4)🡪(2)🡪(1)🡪(3)

**3.2 Tự luận (3 điểm)**

**Câu 1.** (2 điểm) Hãy trình bày cách bảo quản và chế biến một loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình hoặc ở địa phương em.

**Câu 2.** (1 điểm) Ở địa phương em có những loại thức ăn chăn nuôi nào? Hãy nêu các loại thức ăn thức ăn cho lợn; gà và trâu bò tại gia đình hoặc ở địa phương em.

**ĐÁN ÁN**

**Câu 1. (2 điểm)**

**- Bảo quản một loại thức ăn** (1 điểm)

+ Nêu được phương pháp bảo quản phù hợp với loại thức ăn đã chọn. (0,25đ)

+ Trình bày được các yêu cầu của phương pháp bảo quản loại thức ăn đã chọn (cách bảo quản). (0,75đ)

**- Chế biến một loại thức ăn** (1 điểm)

+ Nêu được phương pháp chế biến phù hợp với loại thức ăn đã chọn. (0,25đ)

+ Trình bày được các yêu cầu của phương pháp chế biến loại thức ăn đã chọn (cách chế biến). (0,75đ)

**Câu 2. (1 điểm)**

**-** Thức ăn chăn nuôi: Rau, cỏ tươi, tấm, cám, ngô, khoai,…(0,25 điểm)

- Đối với trâu bò: cỏ, rơm,….(0,25 điểm)

- Đối với gà: lúa, bắp,…. (0,25 điểm)

- Đối với lợn: rau, cám,…. (0,25 điểm)